TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 244/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Sỹ Định.

Ông Nguyễn Đình Phú.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16/10/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện thương yêu nhau được khoảng hơn một năm thì được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Hai người tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/11/2006, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nên thường xuyên cải vả, xúc phạm nhau. Anh H1 thường xuyên cờ bạc, lô đề,

không chăm lo cuộc sống gia đình. Từ tháng 3/2009, chị H đưa con về sống tại thôn V, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội, còn anh H1 về sống tại thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cùng với bố mẹ anh H1. Từ đó cho đến nay đã hơn 8 năm, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc, liên lạc gì với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mai H trình bày vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 26/9/2007. Chị H yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu H2 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn H1 nhưng trong thời hạn luật định anh H1 không có bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H1 đều vắng mặt.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh Nguyễn Văn H1 cho biết đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho anh H1 gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Gia đình đã giao lại tất cả các loại văn bản trên cho anh H1, anh H1 cũng muốn ly hôn chị H nhưng do bận công việc làm ăn nên anh H1 không đến Tòa án được.

Tại phiên tòa ngày 21/12/2017, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh H1 vắng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định ngày mở lại phiên tòa 29/12/2017 đồng thời tống đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho anh H1 nhưng anh H1 tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, cố tình cản trở, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn H1; chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con, giao cháu Nguyễn Văn H2 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án tiến hành tống đạt văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập anh Nguyễn Văn H1 là hợp lệ nhưng anh H1 cố tình cản trở tố tụng, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Nguyễn Thị Mai H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/11/2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh H1 thường xuyên cờ bạc, lô đề, không chăm lo cuộc sống gia đình nên hai người thường xuyên cải vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 3/2009 cho đến nay, chị H, anh H1 sống ly thân, không liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mai H về việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 26/9/2007, thấy rằng: Từ trước đến nay, cháu H2 do chị H nuôi dưỡng, cháu H2 có nguyện vọng được ở với chị H nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai H. Chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 26/9/2007 cho chị Nguyễn Thị Mai H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn H1 có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001668 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cụcTHADS Phú Lộc;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Sang